

CTCP TẬP ĐOÀN DABACO (DBC – HOSE)

Vượt khó đi lên

MUA

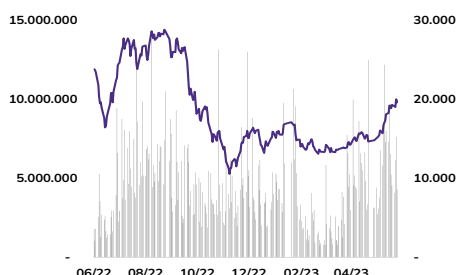
Nguyễn Phương Thảo

Email: thao.nphuong@abs.vn

THÔNG TIN CƠ BẢN

Ngành	: Chăn nuôi
Ngày báo cáo	: 08/06/2023
Giá hiện tại (VND/CP)	: 19.650
Giá mục tiêu (VND/CP)	: 23.500
Tỷ lệ tăng (%)	: +19,6%
Vốn hóa (Tỷ VND)	: 4.755
SLCPLH (CP)	: 242.001.859

DIỄN BIẾN GIÁ



Nguồn: ABS Research

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	2021A	2022A
Tăng trưởng DTT (%)	8%	7%
Tăng trưởng LNST (%)	-41%	-99%
Biên LNG (%)	17%	8%
Biên LNST (%)	8%	1%
ROA (%)	8%	0%
ROE (%)	18%	0,1%
Nợ vay/VCSH (lần)	0,70	0,99
EPS (VND/CP)	6.786	21
BVPS (VND/CP)	40.662	19.178

Luận điểm đầu tư

- Chúng tôi dự báo doanh thu và lợi nhuận của DBC năm 2023 lần lượt đạt **11.366 tỷ đồng (-2% svck)** và **203 tỷ đồng (tăng 40 lần svck)** và giữ mức khuyến nghị **MUA** đối với DBC do các yếu tố sau:
 - ✓ Giá heo hơi trung bình năm 2023 dự kiến đạt 60.000 đồng/kg (+3% svck) do khó khăn của ngành trong giai đoạn vừa qua khiến các hộ chăn nuôi e ngại việc tái đàn khiến nguồn cung suy giảm;
 - ✓ Giá TACN đầu vào tuy vẫn ở mức cao nhưng sẽ hạ nhiệt so với giai đoạn trước, trung bình năm 2023 dự kiến giảm 7% svck, giúp doanh nghiệp giảm bớt áp lực về chi phí đầu vào;
 - ✓ Sản lượng tiêu thụ thịt lợn và TACN trung bình dự kiến đạt tăng trưởng 3%, tương đương với mức tăng trưởng chung của toàn ngành;
- Về dài hạn, chúng tôi kỳ vọng với vị thế đầu ngành, DBC sẽ tiếp tục phát huy lợi thế về mô hình 3F cũng như tập trung đầu tư mở rộng các nhà máy, tận dụng tối đa công suất để thúc đẩy doanh thu trong tương lai.
- Rủi ro**
 - ✓ Giá heo hơi và sản lượng tiêu thụ thịt lợn tăng trưởng thấp hơn dự kiến;
 - ✓ Giá TACN cao hơn dự kiến, sản lượng tiêu thụ TACN tăng trưởng thấp hơn dự kiến;
 - ✓ Rủi ro dịch tả lợn Châu Phi (ASF) bùng phát trên diện rộng ảnh hưởng đến tăng trưởng chung của ngành chăn nuôi.
- Cơ hội tăng giá**
 - ✓ Giá heo hơi và sản lượng tiêu thụ thịt lợn tăng trưởng mạnh hơn dự kiến;
 - ✓ Giá TACN giảm mạnh hơn dự kiến, sản lượng tiêu thụ TACN tăng trưởng tốt hơn dự kiến.

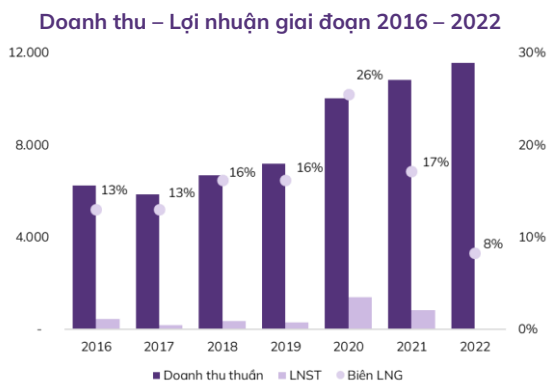
Bảng tổng hợp và dự phóng kết quả kinh doanh của DBC

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	2020	2021	2022	2023F
Doanh thu thuần	10.022	10.813	11.558	11.366
Tăng trưởng doanh thu thuần (%)	39%	8%	7%	-2%
Lợi nhuận gộp	2.558	1.853	960	1.262
Biên lợi nhuận gộp (%)	26%	17%	8%	11%
Doanh thu tài chính	30	25	29	30
Chi phí tài chính	-320	-199	-201	-202
Chi phí bán hàng	-380	-405	-403	-396
Chi phí QLDN	-339	-344	-344	-350
Lợi nhuận từ HĐKD	1.837	1.102	206	513
Lãi/Lỗ khác	5	46	38	38
Lợi nhuận trước thuế	1.554	980	79	301
LNST cổ đông Công ty mẹ	1.400	830	5	203
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế (%)	14%	8%	0%	2%
EPS (đồng/cp)	13.366	7.199	21	839

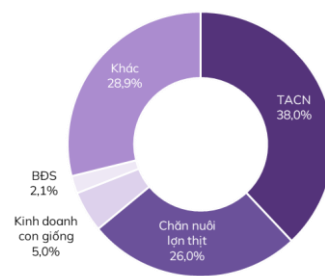
Nguồn: DBC, ABS Research

Cập nhật doanh nghiệp

- Kết quả kinh doanh cả năm 2022 của DBC “nhuộm màu” âm ảm.** Lũy kế cả năm, doanh thu thuần và LNST của DBC lần lượt đạt 11.558 tỷ đồng (+7% svck) và 5 tỷ đồng (-99% svck). Biên lợi nhuận gộp giảm từ 17% (2021) xuống còn 8% (2022). Với kết quả này, DBC chỉ hoàn thành được 54% kế hoạch về doanh thu và 16% kế hoạch về lợi nhuận mà doanh nghiệp đặt ra từ đầu năm, đây là năm thứ 2 liên tiếp DBC ghi nhận kết quả kinh doanh đi lùi so với cùng kỳ.
- Nguyên nhân LNST suy giảm mạnh đến từ việc giá nguyên liệu thức ăn chăn nuôi (TACN) đầu vào leo thang.** Trong năm 2022, chi phí Thức ăn chăn nuôi (TACN) tăng mạnh, cao điểm vào tháng 6, giá 3 loại nguyên liệu thức ăn đầu vào ngô, lúa mỳ, đậu tương lần lượt tăng đến 36%/42%/26% so với đầu năm. Trung bình cả năm, giá nguyên liệu TACN tăng khoảng 18% so với năm 2021. Điều này khiến cho giá vốn nguyên liệu đầu vào của DBC tăng mạnh (+24% svck) bào mòn lợi nhuận của doanh nghiệp.

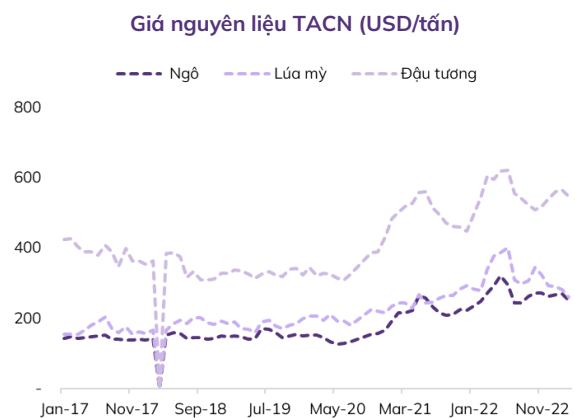
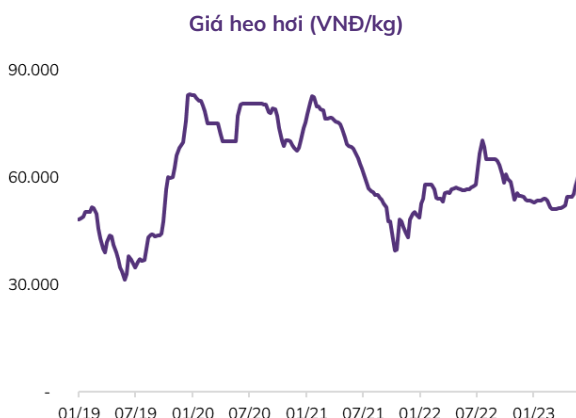


Cơ cấu doanh thu theo lĩnh vực năm 2022



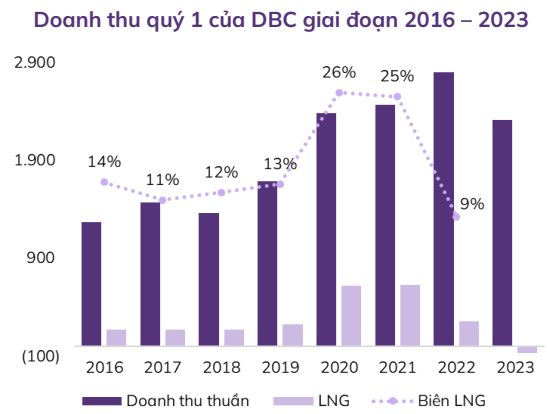
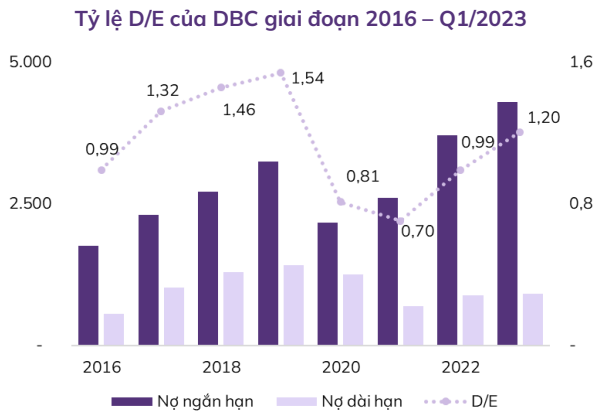
Nguồn: DBC, ABS Research

- TACN và chăn nuôi lợn thịt là 2 mảng kinh doanh chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu doanh thu của DBC năm 2022.** Doanh thu mảng TACN tăng trưởng tích cực nhờ giá TACN tăng mạnh (+18% svck), đạt 4.392 tỷ đồng (+13% svck), chiếm tới 38% tổng doanh thu của DBC. Tuy nhiên, mảng chăn nuôi lợn thịt có phần kém khả quan so với năm 2021 do giá nguyên liệu đầu vào leo thang nhưng giá heo hơi đầu ra lại suy giảm, trung bình chỉ đạt 58.000 đ/kg (-7% svck). Doanh thu mảng này đạt 3.005 tỷ đồng (-7% svck), chiếm 26% tổng doanh thu. Ngoài ra, mảng kinh doanh khác chiếm tỷ trọng 36%, trong đó bao gồm các hoạt động như kinh doanh con giống, kinh doanh bất động sản, sản xuất dầu ăn, sản xuất bao bì hạt nhựa, thương mại và dịch vụ.
- Kết quả kinh doanh quý 1/2023 kém khả quan do giá heo hơi tiếp tục suy giảm.** Cụ thể, doanh thu thuần của DBC đạt 2.314 tỷ đồng (-18% svck) và DBC ghi nhận lỗ 321 tỷ. Nguyên nhân của khoản lỗ này đến từ việc doanh thu giảm 18% nhưng giá vốn đầu vào mới chỉ giảm nhẹ 5% svck. Tuy giá TACN đầu vào đã hạ nhiệt giúp doanh nghiệp giảm bớt áp lực chi phí đầu vào nhưng giá heo hơi trong quý 1/2023 tiếp tục xu hướng đi xuống (-5% svck) và có thời điểm xuống dưới mốc 50.000 đ/kg. Điều ảnh hưởng này đã ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh quý 1/2023 của DBC. Thêm vào đó, do doanh nghiệp tăng nợ vay nên chi phí lãi vay trong kỳ cũng tăng mạnh, đạt 69 tỷ đồng (+50% svck).



Nguồn: Pig333, Thị trường hàng hóa, ABS Research

- **Cơ cấu tài sản vẫn ở mức an toàn.** Kết thúc quý 1/2023, tiền mặt và hàng tồn kho đều giảm nhẹ so với cuối năm 2022. Tại 31/03/2023, DBC sở hữu 714 tỷ đồng (-37% so với cuối năm 2022) bao gồm cả tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, chỉ chiếm 6% tổng tài sản của doanh nghiệp. Thêm vào đó, khoản mục hàng tồn kho đạt 4.739 tỷ đồng (-9% so với cuối năm 2022), chiếm tới 39% tổng tài sản (chủ yếu là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang với 3.463 tỷ đồng, chiếm 73% cơ cấu hàng tồn kho của DBC), doanh nghiệp đã trích lập dự phòng 9 tỷ đồng đối với khoản mục này.
- **Nợ vay tăng phục vụ nhu cầu mở rộng và đầu tư vào các dự án.** Tại 31/03/2022, tổng nợ vay ngắn và dài hạn của DBC đạt 5.201 tỷ đồng (+13% so với cuối năm 2022). Tỷ lệ D/E cũng tăng mạnh từ 0,9x lên 1,2x. Chúng tôi lưu ý rủi ro doanh nghiệp sẽ phải chịu áp lực chi trả lãi vay trong thời gian tới.



Nguồn: DBC, ABS Research

Dự phóng KQKD

- **Giá heo hơi “tạo đáy đi lên” gỡ khó giúp doanh nghiệp.** Việc giá heo hơi liên tục diễn biến tiêu cực sau khi đạt đỉnh vào tháng 8/2022 cùng với việc giá TACN đầu vào neo ở mức cao trong thời gian dài và dịch tả lợn ASF đã khiến các hộ chăn nuôi e ngại việc tái đàn có thể khiến nguồn cung thịt heo suy giảm, giúp giá heo tăng trở lại trong thời gian tới. Đây sẽ là cơ hội phục hồi cho các doanh nghiệp chăn nuôi theo mô hình 3F, có quy trình khép kín như DBC. Chúng tôi kỳ vọng giá heo hơi năm 2023 trung bình đạt 60.000 đồng/kg (+3% svck).
- **Giá TACN đầu vào hạ nhiệt giúp biên lợi gộp được cải thiện.** Sau khi tạo đỉnh vào tháng 6/2022, giá nguyên liệu các loại TACN đầu vào đã có xu hướng hạ nhiệt, hiện tại, giá TACN trung bình đã giảm 7% so với năm 2022. Mặc dù giá vẫn còn ở mức cao nhưng chúng tôi kỳ vọng với dấu hiệu tích cực này, DBC sẽ được giải tỏa một phần áp lực về chi phí giá vốn trong năm 2023, biên lợi nhuận cũng nhờ đó được mở rộng. Chúng tôi dự báo giá TACN trung bình cả năm 2023 giảm 7% so với cùng kỳ, biên lợi nhuận gộp đạt 12% (+400bps svck).
- **Kỳ vọng DBC sẽ thu về khoảng 700 tỷ từ dự án bất động sản trong năm 2023.** Kết thúc năm 2022, DBC đã ghi nhận một khoản người mua trả tiền trước cho dự án Parkview với gần 700 tỷ đồng. Theo đánh giá sơ bộ, chúng tôi cho rằng, khả năng DBC sẽ được ghi nhận khoản tiền này vào doanh thu năm 2023, góp phần giúp kết quả kinh doanh của DBC khởi sắc hơn so với cùng kỳ.
- **DBC đã đi qua giai đoạn khó khăn, kỳ vọng tăng trưởng bền vững trong dài hạn.** Chúng tôi cho rằng năm 2022 là đáy chu kỳ của DBC, doanh nghiệp sẽ trên đà phục hồi và tăng trưởng trở lại trong giai đoạn tới. Chúng tôi dự báo doanh thu và LNST năm 2023 của DBC lần lượt đạt **11.366 tỷ đồng (-2% YoY)** và **203 tỷ đồng (tăng 40 lần svck)**.
- **Về dài hạn, chúng tôi cho rằng DBC vẫn còn động lực tăng trưởng đến từ:**
 - ✓ **Đầu tư và triển khai các dự án.** Các dự án được mở rộng dự kiến sẽ đi vào hoạt động trong 2023 có thể giúp DBC mở rộng doanh thu trong thời gian tới. DBC có kế hoạch mở rộng quy mô đàn lợn với 4 dự án tại Bình Phước, Hòa Bình, Thanh Hóa, Phú Thọ nhằm nâng công suất thiết kế với tổng mức đầu tư lên đến 2.167 tỷ đồng. Chúng tôi kỳ vọng, sau khi các

nhà máy đi vào hoạt động ổn định sẽ đạt công suất tối đa, sản lượng thương phẩm dự kiến sẽ tăng khoảng 30% so với trước đó.

- ✓ DBC là doanh nghiệp đứng đầu trong lĩnh vực công nghiệp thực phẩm với chuỗi giá trị bền vững 3F (Feed – Farm – Food). Hiện nay, Dabaco sở hữu 8 nhà máy TACN với tổng công suất 1,5 triệu tấn/năm. Theo chúng tôi ước tính, hiện nay DBC mới chỉ sử dụng 50% tổng công suất của các nhà máy này. DBC cũng sở hữu 1 trang trại cùng hệ thống chăn nuôi gia công với 250.000 con, cung cấp khoảng 60.000 tấn lợn thịt/năm. Thêm vào đó, DBC còn là tập đoàn tiên phong ứng dụng các giải pháp khoa học công nghệ tiên tiến trong nông nghiệp một cách hiệu quả với dây chuyền công nghệ và thiết bị sản xuất đồng bộ, tự động hóa lên đến 90%.

Định giá và khuyến nghị

Chúng tôi thực hiện định giá cổ phiếu DBC theo 2 phương pháp

- ✓ Phương pháp P/B
- ✓ Phương pháp chiết khấu dòng tiền FCFE

Dựa trên một số giả định chính

- ✓ Giá heo hơi trung bình đạt 60.000 đồng/kg (+3% svck) do các hộ chăn nuôi e ngại việc tái đàn khiến nguồn cung suy giảm;
- ✓ Sản lượng tiêu thụ của DBC tăng 3% svck (dựa trên mức tăng trưởng sản lượng thịt lợn trung bình của Việt Nam giai đoạn 2018 – 2022);
- ✓ Giá TACN hạ nhiệt nhưng vẫn neo ở mức cao, dự kiến giảm 7% svck;
- ✓ Sản lượng tiêu thụ TACN của DBC tăng 3% svck (dựa trên mức tăng trưởng sản lượng TACN cả nước giai đoạn 2018 – 2022);
- ✓ Dự án Parkview dự kiến đóng góp khoảng 700 tỷ đồng doanh thu và 140 tỷ đồng LNST cho DBC trong năm 2023.

Phương pháp P/B

- ✓ BVPS 2023F là 20.017 đồng/cp
- ✓ P/B 2023 được xác định ở mức 1,3x – dựa trên mức P/B trung bình của các doanh nghiệp cùng ngành, trọng số được tính theo quy mô vốn hóa của các doanh nghiệp:

	P/E	Tỷ trọng vốn hóa
HAG	1,6	40%
DBC	0,9	26%
BAF	1,7	19%
VLC	0,8	16%
P/B TRUNG BÌNH NGÀNH	1,31	

Nguồn: ABS Research

- ✓ Theo phương pháp P/B, giá cổ phiếu DBC được xác định là **26.263 đồng/cp**.

Phương pháp chiết khấu dòng tiền FCFE

- ✓ Chi phí VCSH được xác định theo phương pháp CAPM trong đó lãi suất phi rủi ro được giả định bằng lãi suất TPCP kỳ hạn 5 năm là 2,76%. Phần bù rủi ro thị trường là 12,15%. Beta điều chỉnh là 1,48 lần. Khi đó, tỷ suất lợi nhuận yêu cầu WACC bằng 13,1%.
- ✓ Theo phương pháp FCFE, giá cổ phiếu DBC được xác định là **20.833 đồng/cp**.

Chỉ tiêu	Giá định
Lãi suất phi rủi ro (Risk free rate)	2,76%
Phần bù rủi ro thị trường (Market Risk Premium)	12,15%
Beta	1,48
Chi phí VCSH (Cost of Equity)	21%
WACC	13,1%
Tăng trưởng dài hạn (Terminal Growth Rate)	1,0%

Kết quả định giá

Phương pháp	Giá (đồng)	Tỷ trọng
P/B	26.263	50%
FCFF	20.833	50%
Giá trung bình (đồng/cổ phiếu)		23.548

⇒ Như vậy, giá cổ phiếu DBC hợp lý ở mức 23.500 đồng/cp tương ứng tăng 19,6% so với giá hiện tại. Do đó chúng tôi giữ mức khuyến nghị **MUA** đối với DBC.

Rủi ro giảm giá

- ✓ Giá heo hơi hồi phục chậm hơn dự kiến, sản lượng tiêu thụ thịt lợn tăng trưởng thấp dự kiến;
- ✓ Giá TACN cao hơn dự kiến, sản lượng tiêu thụ TACN tăng trưởng thấp hơn dự kiến;
- ✓ Rủi ro dịch tả lợn Châu Phi (ASF) bùng phát trên diện rộng ảnh hưởng đến tăng trưởng chung của ngành chăn nuôi.

Cơ hội tăng giá

- ✓ Giá heo hơi hồi phục tốt hơn so với dự kiến, sản lượng tiêu thụ thịt lợn tăng trưởng mạnh hơn dự kiến;
- ✓ Giá TACN giảm mạnh hơn dự kiến, sản lượng tiêu thụ TACN tăng trưởng tốt hơn dự kiến.

PHỤ LỤC

Báo cáo KQ HĐKD (Tỷ đồng)	2020	2021	2022	2023F
Doanh thu thuần	10.022	10.813	11.558	11.366
Giá vốn hàng bán	-7.464	-8.960	-10.598	-10.104
Lợi nhuận gộp	2.558	1.853	960	1.262
Doanh thu tài chính	30	25	29	30
Chi phí tài chính	-320	-199	-201	-202
Chi phí bán hàng	-380	-405	-403	-396
Chi phí QLDN	-339	-344	-344	-350
Lợi nhuận từ HĐKD	1.837	1.102	206	513
Lãi/Lỗ khác	5	46	38	38
Lợi nhuận trước thuế	1.554	980	79	301
Lợi nhuận sau thuế	1.400	830	5	203
LNST cổ đông Công ty mẹ	1.400	830	5	203

Báo cáo LCTT (Tỷ đồng)	2020	2021	2022	2023F
LCT thuần từ HĐKD	2.169	586	312	62
LCT thuần từ Hoạt động đầu tư	-584	-272	-818	-719
LCT thuần từ Hoạt động tài chính	-1.518	-347	933	298
LCT thuần trong kỳ	67	-33	427	-359
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	165	233	200	627
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	233	200	627	306

Chỉ số tài chính	2020	2021	2022	2023F
Khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán hiện hành	1,09	1,09	0,98	1,07
Khả năng thanh toán nhanh	0,31	0,28	0,26	0,26
Khả năng thanh toán tiền mặt	0,18	0,15	0,16	0,13
Khả năng thanh toán lãi vay	5,93	6,04	1,15	2,04
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,37	0,42	0,40	0,38
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,34	0,30	0,35	0,41
Nợ vay/Vốn chủ sở hữu (D/E)	0,81	0,70	0,99	1,01

Chỉ số hiệu suất hoạt động	2020	2021	2022	2023F
Số ngày phải thu	7,7	9,0	7,3	8,7
Số ngày phải trả	45,7	44,7	46,0	55,4
Số ngày tồn kho	158,4	153,8	147,3	182,0

Khả năng sinh lời	2020	2021	2022	2023F
Tỷ suất lợi nhuận gộp	25,5%	17,1%	8,3%	11,1%
Tỷ suất lợi nhuận HĐKD	18,3%	10,2%	1,8%	4,5%
Tỷ suất LNST của cổ đông Công ty mẹ	359%	-41%	-99%	3807%
ROE	39%	19%	0%	4%
ROA	14%	8%	0%	2%
ROIC	20%	11%	2%	4%

Bảng cân đối kế toán (Tỷ đồng)	2020	2021	2022	2023F
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	233	200	627	306
+ Đầu tư ngắn hạn	0	0	0	0
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	213	320	251	293
+ Hàng tồn kho	3.349	4.203	5.207	4.869
+ Tài sản ngắn hạn khác	322	337	475	467
Tài sản ngắn hạn	4.653	5.637	7.065	6.402
+ Các khoản phải thu dài hạn	14	16	23	47
+ Tài sản cố định	4.455	4.582	4.302	5.333
+ Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
+ Tài sản dở dang dài hạn	779	468	1.398	2.397
+ Đầu tư dài hạn	102	105	114	114
+ Tài sản dài hạn khác	97	54	72	85
Tài sản dài hạn	5.448	5.225	5.909	7.978

Tổng Tài sản	10.101	10.863	12.974	12.020
+ Vay ngắn hạn	2.158	2.599	3.705	3.945
+ Phải trả người bán	1.012	1.392	2.129	835
+ Nợ ngắn hạn khác	1.084	1.180	1.379	1.222
Nợ ngắn hạn	4.255	5.172	7.213	6.002
+ Vay dài hạn	1.244	687	886	944
+ Các khoản phải trả dài hạn khác	396	318	234	230
Nợ dài hạn	1.640	1.005	1.120	1.173
Tổng nợ phải trả	5.894	6.177	8.333	7.175
+ Vốn cổ phần	1.048	1.152	2.420	2.420
+ Thặng dư vốn cổ phần	418	418	418	418
+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.243	595	8	211
+ Quỹ khác	0	0	0	0
Vốn chủ sở hữu	4.207	4.686	4.641	4.844
Tổng cộng nguồn vốn	10.101	10.863	12.974	12.020

Tỷ lệ tăng trưởng (%)	2020	2021	2022	2023F
Tăng trưởng doanh thu	39%	8%	7%	-2%
Tăng trưởng LNNT	350%	-37%	-92%	281%
Tăng trưởng LNST Cổ đông Công ty mẹ	359%	-41%	-99%	3807%
Tăng trưởng EPS	299%	-46%	-100%	3807%
Tăng trưởng VCSH	39%	11%	-1%	4%
Tăng trưởng Tổng tài sản	5%	8%	19%	-7%

Định giá (lần)	2020	2021	2022	2023F
P/E	1,5	2,7	913,1	23,4
P/B	0,5	0,5	1,0	1,0
EV/EBITDA	2,5	3,5	13,3	9,2
EV/Sales	1,1	1,3	2,2	0,8

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Phòng Phân tích Đầu tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của ABS tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo. ABS sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất tài chính nào hoặc bất kỳ quyết định nào được thực hiện trên cơ sở thông tin được trình bày trong báo cáo này. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của ABS, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.

Nguyên tắc khuyến nghị

MUA	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ 8% đến 15%
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -5% đến 8%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến -5%
BÁN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15%

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

Thông tin liên hệ

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Trụ sở chính: Tầng 16, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3562 4626

Website: www.abs.vn

Trung tâm Phân tích

Điện thoại: (024) 3562 4626 – Ext: 151

Email: abs-research@abs.vn

Năng lượng, Xây lắp, VLXD

Lê Thị Kim Huê - Phó Giám đốc

Email: hue.lethikim@abs.vn

Vĩ mô, Bảo hiểm, Ngân hàng

Lê Thu Huyền - Chuyên viên

Email: huyen.lethu@abs.vn

BĐS Dân cư, Thép

Trần Bình Minh - Chuyên viên

Email: minh.tranbinh@abs.vn

Bán lẻ, Hàng tiêu dùng

Nguyễn Phương Thảo - Chuyên viên

Email: thao.nphuong@abs.vn

Nguyễn Thị Thùy Linh - Giám đốc

Email: linh.ngthithuy@abs.vn

PTKT và Chiến lược thị trường

Đặng Xuân Lưu – Giám đốc

Email: luu.dangxuan@abs.vn

Đỗ Thành Trung – Phó Giám đốc

Email: trung.dothanh@abs.vn

Ngân hàng, BĐS KCN, Cao su

Lê Quang Trung - Chuyên viên

Email: trung.lequang@abs.vn

Chứng khoán, Cảng biển

Trần Quang Huy, ACCA - Chuyên viên

Email: huy.tranquang@abs.vn

Hóa chất, Lương thực, Dữ liệu

Trịnh Thu Trang - Chuyên viên

Email: trang.trinhthu@abs.vn